TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 24-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Dũng

Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Đức V**, sinh ngày 10/6/1998 tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo thứ hai: **Võ Ngọc N (tên gọi khác: Xẹp)**, sinh ngày 04/12/1998 tại huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định và bà Võ Thị G, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 09/01/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng*:

1. Anh Đoàn Thành L, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Nguyễn Đức V và Võ Ngọc N có mối quan hệ bạn bè và đã có lần cùng sử dụng ma túy. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, V điện thoại bảo N tìm mua ma túy về cùng sử dụng, phần V góp 400.000đ. N đồng ý và điện thoại cho Thành "Mô" (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đặt vấn đề mua ma túy. N điều khiển xe mô tô đến cầu Hà Thanh đưa cho Thành "Mô" 800.000đ, Thành "Mô" đưa cho N hai bịch ma túy đá. Xong, N điều khiển xe mô tô quay về xã P, huyện T đón V, hai bịch ma túy N đưa cho V cất giữ. N tiếp tục điều khiển xe mô tô chở V đi tìm nhà nghỉ để thuê phòng sử dụng ma túy. Khi đến trước quán cà phê Gia Hưng thuộc khu vực C, phường N, thị xã A, lực lượng Công an thị xã A trên đường đi tuần tra thấy N và V có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra thì phát hiện trên tay V đang cầm hai bịch nilon bên trong có chứa các hạt tinh thể không màu nghi là ma túy. Cả N và V đều khai nhận là ma túy đá nên Công an thị xã A đã lập biên bản phạm tội quả tang, niêm phong, tạm giữ hai bịch nhựa hàn kín có kích thước (2x2,1)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể không màu.

Kết quả giám định số: 03/QĐ-PC45 ngày 10/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luân:

- Các hạt tinh thể trong một bì nilon ghi thu giữ của Nguyễn Đức V (ký hiệu A1) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng (khối lượng) 0,113 gam là loại Methamphetamine.

- Các hạt tinh thể trong một bì nilon ghi thu giữ của Nguyễn Đức V (ký hiệu A2) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng (khối lượng) 0,1219 gam là loại Methamphetamine.

Về vật chứng thu giữ:

- Một bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có ghi: 0,067 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A1 còn lại sau giám định;

- Một bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có ghi: 0,069 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A2 còn lại sau giám định;

- 02 điện thoại di động Nokia 1202, gồm 01 cái màu đen và 01 cái màu trắng.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSAN ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức V, Võ Ngọc

N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản án trạng đã truy tố bị cáo

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức V và bị cáo Võ Ngọc N, mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 02 bì thư chứa Methamphetamine còn lại sau giám định;
- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di dộng hiệu Nokia 1202 của 02 bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện: Ngày 09.01.2018, vì muốn có ma túy để sử dụng, bị cáo V gọi điện thoại bảo bị cáo N tìm kiếm nơi mua ma túy về cùng sử dụng. Bị cáo V chủ động góp 400.000đ mua ma túy. Bị cáo N đồng ý và liên lạc với đối tượng tên Thành "Mô" ở thành phố Q mua 800.000đ ma túy. Khi đã có ma túy, các bi cáo điều khiển xe mô tô đến thị xã A để tìm nơi sử dụng thì bị Công an thị xã A kiểm tra, bắt quả tang thu giữ 02 bịch nilon bên trong có chứa chất ma túy.

Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp. Chất bên trong 02 bịch nilon thu giữ của các bị cáo theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B là chất ma túy, có tổng khối lượng là 0,2349 gam loại Methamphetamine, nên đủ cơ sở để Hội đồng xé xử kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức V và Võ Ngọc N đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đã trưởng thành, đủ nhận thức để biết ma túy là chất gây nghiện, hủy hoại cuộc sống, ảnh hưởng đến giống nòi, là tệ nạn xã hội và cũng là nguồn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nên Nhà nước có chính sách độc quyền đối với ma túy. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhưng không biết tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, sớm học theo thói xấu, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, các bị cáo đã bất chấp những quy định của pháp luật mua ma túy về tàng trữ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo Nguyễn Đức V là người khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng, còn bị cáo Võ Ngọc N là người trực tiếp tìm mua ma túy. Tuy vai trò của các bị cáo khác nhau, nhưng mức độ nguy hiểm do hành vi của các bị cáo là ngang nhau.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Song, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, nên xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có ghi: 0,067 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A1 còn lại sau giám định;
- 01 bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có ghi: 0,069 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A2 còn lại sau giám định;
- 02 điện thoại di động Nokia 1202 của hai bị cáo, gồm 01 cái màu đen và 01 cái màu trắng.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên tịch tiêu hủy 02 bì thư bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định; tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động 1202.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức V và Võ Ngọc N phạm tội: “Tàng trữ trái

phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2018.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc N 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2018.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B bên ngoài có ghi: 0,067 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A1 còn lại sau giám định;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bì thư dán kín có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B bên ngoài có ghi: 0,069 gam hạt tinh thể Methamphetamine mẫu A2 còn lại sau giám định;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà Nước 02 điện thoại di động Nokia 1202 (trong đó gồm 01 cái màu đen và 01 cái màu trắng).

* Về án phí hình sự thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức V và Võ Ngọc N phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an thị xã An;;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà